

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 508/2020/DS-PT
Ngày 12/6/2020
V/v Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Ông Nguyễn Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/5/2020 và 12/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2020/DSPT ngày 24/02/2020 về: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 618/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1290/2020/QĐ-PT ngày 17/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4545/2020/QĐ-PT ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà L, sinh năm 1973 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: 5/8 bis KP1, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 85/35/1 đường C, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông K(có mặt)

Địa chỉ: 168 đường T, ấp T, xã Trung Chánh, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà C, sinh năm 1929

Địa chỉ: 41/8 đường T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông N(có mặt)

Địa chỉ: 41/7 đường T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Luật sư L- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: 399 đường B, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông H

Địa chỉ: 5/8Bis, tổ 54B, Kp.4, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà L (có mặt)

Địa chỉ: 5/8 bis Kp.1, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà H(vắng mặt)

Địa chỉ: 41/8 ấp T, xã Trung Chánh, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Ông N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn C. Bà L nguyên đơn trong vụ án.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2015, và trong suốt quá trình tố tụng, nguyên đơn bà L, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông K trình bày: Ngày 22/01/2009, giữa bà L và bà C có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00686 ngày 09/02/2005 của UBND huyện Hóc Môn cấp cho bà C. Giá trị phần đất chuyển nhượng là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, bà L đã thanh toán đủ cho bà C. Sau khi ký kết và giao tiền, bà C đã giao toàn bộ giấy tờ bản chính đối với phần đất trên cho bà L.

Tuy nhiên, sau khi nhận tiền xong bà C không thực hiện nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009 giữa bà C và bà L. Bà C trả lại số tiền đã nhận là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 22/01/2009 đến ngày xét xử là 129 tháng. Cụ thể: $300.000.000 \times 129 \text{ tháng} \times 1.125\%/\text{tháng} = 435.375.000$ (bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 735.375.000 (bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy lăm nghìn) đồng.

Sau khi bà C trả đủ số tiền trên, bà L sẽ hoàn trả lại cho bà C bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận.

Thực hiện một lần ngay sau khi có bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 30/5/2016; và trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà C, đại diện ủy quyền của bị đơn ông N trình bày: Giữa bà C, bà L hoàn toàn không có hợp đồng hay thỏa thuận chuyển nhượng mua bán đất. Bà C hoàn toàn không biết bà L là ai. Việc bà L đang giữ các giấy tờ liên quan nhà đất là do bà làm thất lạc. Do đó, hoàn toàn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Không đề nghị nguyên đơn giao trả lại cho bà C giấy tờ đã nhận.

Theo bản tự khai ngày 25/6/2019, Người có quyền L nghĩa vụ liên quan ông H, có đại diện theo ủy quyền là bà L trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và bà C là việc riêng của bà L. Ông không liên quan và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Với nội dung vụ án nêu trên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tuyên bản án sơ thẩm như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 129; khoản 2 Điều 305; Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

1/Buộc bà C thanh toán cho bà L số tiền 459.063.750 đồng (bốn trăm năm mươi chín triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Sau khi bà C thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên, Bà L phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00686 ngày 09/02/2005 của UBND huyện Hóc Môn cho bà C.

Hủy hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009 giữa bà L và bà C.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/11/2019 ông N kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm

Ngày 12/11/2019 bà L kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 12/11/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp có quyết định số 11/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/11/2019 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: Nguyên đơn cho rằng bị đơn có nợ tiền của bị đơn nhưng, số tiền vốn mà nguyên đơn đưa ra không thống nhất như tại đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị bị đơn trả 200 triệu tiền mua đất, không tính lãi, tại buổi đối chất ngày 18/8/2017 nguyên đơn khai rằng nguyên đơn cho bị đơn vay 380 triệu đồng, bị đơn đã trả 180 triệu đồng còn nợ 200 triệu đồng,

đến tháng 4 năm 2019 (không rõ ngày) nguyên đơn lại có đơn kháng định và bổ sung yêu cầu khởi kiện với yêu cầu đòi tiền vốn là 300 triệu đồng và lãi suất như trong Hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009. Như vậy, nguyên đơn không chứng minh được số tiền cho vay (nếu có) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào Hợp đồng mua bán mà cho rằng bà C còn nợ của bà L 300 triệu đồng là không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Cơ sở cho việc khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009 giữa nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 30/5/2016 bà C đã phủ nhận có giao dịch với bà L, tại Kết luận giám định số 2773/C54B ngày 13/9/2016 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chưa đủ cơ sở kết luận chữ ký và dấu vân tay trên hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009 là của bị đơn. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn cho rằng đôi bên có giao dịch với nhau để buộc bị đơn phải thanh toán nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở.

Do lời khai của nguyên đơn về số tiền vay không thống nhất, không có giá trị chứng minh, đồng thời chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra chứng minh cho giao dịch giữa đôi bên cũng không có giá trị chứng minh. Do đó bị đơn xin thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày yêu cầu kháng cáo: nguyên đơn thừa nhận hợp đồng mua bán nhà là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng thật là hợp đồng vay tài sản. Việc cho vay giữa những người không quen biết lẽ đương nhiên là phải có lãi và có thời gian thanh toán nợ, thỏa thuận giữa đôi bên mặc dù không ghi ra văn bản nhưng đôi bên đã thống nhất lãi suất là 3%/tháng và thời hạn vay 03 tháng. Như vậy cấp sơ thẩm cho rằng trường hợp này là cho vay không có lãi và không có thời gian trả nợ là không đúng với thông lệ giao dịch trong nhân dân. Đối với lời trình bày về số tiền cho vay của nguyên đơn có khác nhau là do trong thời gian khởi kiện nguyên đơn đang bị khủng hoảng tinh thần do ly hôn, chồng của nguyên đơn thì cất giữ toàn bộ giấy tờ nên không thể nhớ rõ số nợ của nguyên đơn.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày về yêu cầu kháng nghị:

Về xác định quan hệ tranh chấp do tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xác định hợp đồng mua bán đất ngày 22/01/2008 là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản, Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giữ tiêu đề Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là không đúng.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn có cung cấp Hợp đồng mua bán đất ký ngày 22/01/2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00686 ngày 09/02/2005 của UBND huyện Hóc Môn cấp cho bà C, bản sao giấy Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án bà C

không thừa nhận có giao dịch gì với bà L, kết luận giám số 2773/C54B ngày 13/9/2016 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định 02 (hai) dấu vân tay màu đỏ dưới mục “Bên bán ký” ghi họ tên C trên “Hợp đồng mua bán, đề ngày 22 tháng 1 năm 2009 bị mờ nhòe, thể hiện ít đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định... Như vậy, chưa đủ cơ sở xác định đôi bên có giao dịch dân sự bằng hợp đồng mua bán đất cũng như hợp đồng vay tài sản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà C không trả lời được vì sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quyền sử dụng đất, bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu của bà lại do nguyên đơn giữ và kết luận đôi bên có quan hệ vay tài sản là không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá không đúng tình tiết khách quan của vụ án, do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Tại đơn kháng định và bổ sung yêu cầu khởi kiện không rõ ngày tháng 4 năm 2019 nguyên đơn có bổ sung yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả thêm tiền lãi suất là 405 triệu đồng. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn phải đóng án phí, không thông báo thụ lý yêu cầu bổ sung, không hòa giải yêu cầu mới nhưng đã giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là đã vượt quá yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 244 BLTT DS vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

Về nội dung: sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị của quyết định số 11/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/11/2019 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

[1] Bản án sơ thẩm số 618/2019/DS-ST được tuyên vào ngày 28/10/2019, ngày 11/11/2019 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo, ngày 12/11/2019 nguyên đơn kháng cáo vì vậy đơn kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định, nguyên đơn có đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn có quyết định số 11/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/11/2019 kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn thuộc thẩm quyền và trong thời hạn, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị nên được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét tại phiên tòa.

[3] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã mua đất và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cho rằng quan hệ giữa đôi bên là quan hệ vay tài sản được che giấu bằng hợp đồng mua bán nhà ngày 22/01/2009. Bị đơn có cung cấp cho Tòa án các chứng cứ là Hợp đồng mua bán đất ký ngày 22/01/2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00686 ngày 09/02/2005 của UBND huyện Hóc Môn cấp cho bà C, bản sao giấy Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của bà C. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C không thừa nhận có giao dịch gì với bà L, kết luận giám định số 2773/C54B ngày 13/9/2016 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định *02 (hai) dấu vân tay màu đỏ dưới mục “Bên bán ký” ghi họ tên C trên “Hợp đồng mua bán, đề ngày 22 tháng 1 năm 2009 bị mờ nhòe, thể hiện ít đặc điểm riêng nên không đủ yếu tố giám định...* Như vậy, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án chưa đủ cơ sở xác định đôi bên có giao dịch dân sự bằng hợp đồng mua bán đất cũng như hợp đồng vay tài sản.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 92 BLTT DS về nghĩa vụ chứng minh thì *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”*. Nhưng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chưa có giá trị chứng minh, nên nguyên đơn phải chịu “hậu quả” của việc không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh cho yêu cầu của mình. Trong khi nguyên đơn chưa chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, Tòa án cấp sơ thẩm lại cho rằng bị đơn không chứng minh được vì sao bị đơn không khai báo với chính quyền địa phương về việc mất giấy tờ, không giải thích được tại sao nguyên đơn lại giữ giữ giấy tờ nhà, bản sao giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu để giải tỏa toàn bộ nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn là trái nguyên tắc về nghĩa vụ chứng minh của bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Do nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Cấp sơ thẩm đã nhầm lẫn về nghĩa vụ chứng minh của nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1 và 2 Điều 91. Do đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 11/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12/11/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án sơ thẩm Tòa án nhận thấy việc nguyên đơn có bổ sung yêu cầu khởi kiện về lãi suất là 405.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu nguyên đơn

phải đóng án phí, không thông báo thụ lý yêu cầu bổ sung, không hòa giải yêu cầu mới nhưng đã giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là đã vượt quá yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 244 BLTT DS. Sai sót của cấp sơ thẩm là có thật, tuy nhiên, do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bao gồm toàn bộ tiền lãi do đó, nghĩ nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[7] Về chi phí giám định: Do phía bị đơn không yêu cầu nguyên đơn phải hoàn trả nên Tòa án không giải quyết.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể: 20.000.000 đồng + $(735.375.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\% = 33.415.000 \text{ đồng}$

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 129 Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 618/2019/DS-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L: Hủy Hợp đồng mua bán ngày 22/01/2009 giữa bà L và bà C.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn L yêu cầu bà C phải trả số tiền vay 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 435.375.000 (bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 735.375.000 (bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm bảy lăm nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự:

Bà L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.415.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng), trừ đi số tiền đã đóng là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008013 ngày 24/11/2015 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà L phải đóng bổ sung án phí sơ thẩm là 25.915.000 đồng (hai mươi lăm triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Bà L và bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà L 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0074016 ngày 21/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Hoàn trả cho bà C 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0074010 ngày 19/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THA DS huyện Hóc Môn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Liên Minh